

CẢM THỨC SINH THÁI TRONG VĂN CHƯƠNG VÕ HỒNG

Trần Viết Thiện¹

TÓM TẮT

Phê bình sinh thái đã trở thành lí thuyết nghiên cứu văn học mang tính toàn cầu. Phê bình sinh thái phát triển thành những phân nhánh khác nhau: phê bình sinh thái Mỹ thiên về ca tụng tự nhiên, phê bình sinh thái Anh thiên về cảnh báo môi trường. Bên cạnh đó, minh triết sinh thái phương Đông là một trong những đích đến quan trọng của các nhà phê bình sinh thái toàn cầu. Ở trong không gian văn học đô thị miền Nam nhưng Võ Hồng đã lặng lẽ tự vạch đường đi cho sự nghiệp văn chương của mình. Trên con đường riêng này, văn chương Võ Hồng đã chạm đến những cảm thức sinh thái từ rất sớm. Bài viết tiếp cận các tác phẩm của Võ Hồng dưới góc nhìn phê bình sinh thái; từ đó thấy được giá trị và đóng góp của ông.

Từ khóa: Phê bình sinh thái, cảm thức sinh thái, Võ Hồng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sinh ra giữa hoàn cảnh “Thuở trời đất nổi cơn gió bụi”, ở trong vòng kiềm tỏa của chế độ Sài Gòn, Võ Hồng lựa chọn cho mình một lối đi riêng, một thế sống riêng. Ông theo nghiệp bút nghiên với bao dự định tốt đẹp cho đời. Nhưng chiến tranh đã chém ngang những hoài bão lí tưởng ấy. Ông trở về quê dạy học, lấy vợ, sinh con và sống cuộc đời bình dị ở một đô thị xinh đẹp và yên bình - Nha Trang, Khánh Hòa. Do các yếu tố về hoàn cảnh đời tư nên nằm trong từ trường của văn học đô thị tạm chiếm miền Nam nhưng sáng tác của Võ Hồng ít chịu ảnh hưởng của những dòng văn học bấy giờ. Ông không có điều kiện làm anh hùng cho thi nhân ngời ca, đồng thời cũng không chủ trương làm thi nhân để ngời ca người anh hùng trên tuyến đầu. Ông lùi về tuyến sau, lặng lẽ âm thầm nhưng nồng nàn tha thiết trầm tư về những vẻ đẹp có tính trường cửu của cuộc đời. Trên con đường riêng ấy, người đọc thấy được cả một mùa xuân sinh thái nơi văn mạch Võ Hồng. Đồng thời, bằng sự mẫn cảm của một tâm hồn gần gũi với thiên nhiên, tác phẩm Võ Hồng cũng rung lên những hồi chuông cảnh báo sớm về cái giá phải trả khi con người bội phản, xâm phạm thiên nhiên. Bài viết tiếp cận cảm thức sinh thái trong văn chương Võ Hồng theo chủ trương “tiến hành đọc lại các tác phẩm trong quá khứ, tìm ra ý nghĩa sinh thái tiềm ẩn trong đó” - một trong những hướng nghiên cứu mà các nhà phê bình sinh thái đặc biệt lưu tâm.

¹ Giảng viên khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Khánh Hòa

2. NỘI DUNG

2.1. Văn hóa sinh thái và phê bình sinh thái

Đến cuối thập niên 90 của thế kỉ XX, phê bình sinh thái mới trở thành một lí thuyết nghiên cứu văn học độc lập. Trong các lí thuyết sinh thái nhân văn, phê bình sinh thái được/bị coi là “phản ứng chậm” trước những hệ lụy của nền văn minh kĩ trị. Dù ra đời muộn nhưng đến nay phê bình sinh thái đã trở thành khuynh hướng nghiên cứu mang tính toàn cầu. Tuy phong phú về cách hiểu song phần lớn các học giả thống nhất với định nghĩa của nhà phê bình sinh thái hàng đầu Cheryll Glotfelty: *“Phê bình sinh thái là phê bình bàn về mối quan hệ giữa văn học và tự nhiên... Phê bình sinh thái mang đến phương pháp tiếp cận trái đất là trung tâm (earth-centered approach) để nghiên cứu văn học”* [11, tr. xviii]. Đó chính là sự phản tư, sự “ghìm cương” trước tính hiện đại và văn hóa tiêu dùng của nền văn minh công nghiệp. Nền tảng triết mĩ của phê bình sinh thái nằm sâu trong những luận điểm nòng cốt của văn hóa sinh thái. Dù muộn màng nhưng nhận thức về văn hóa sinh thái sau đây đã trở thành khuynh hướng phổ biến trong những năm đầu thế kỉ XXI: *“Rất nhiều người phương Tây ngày nay nhận thức được hạn chế (biduan) của phương thức sinh tồn “thực mạng sản xuất, thực mạng tiêu dùng”, trong giai cấp trung tư sản lặng lẽ đẩy lên “cuộc sống giản đơn” - chuyển nhà về nông thôn, tự đóng nhà gỗ, không sử dụng quá nhiều máy điện, kiếm “thu nhập” có hạn, ra sức hưởng thụ không khí, ánh nắng trong đại tự nhiên. Các nhà xã hội học cho rằng: “cuộc sống giản đơn quay trở về với cái thuần phác chân chất, về với tự nhiên, “ít chính là nhiều” (less is more), trong thế kỉ 21 phải trở thành không khí phổ biến. Có lẽ cuộc sống giản đơn, tiêu dùng giản đơn cũng chính là cuộc sống mộc mạc cuối đời của Tolstoi có thể sẽ lại thể hiện sức hấp dẫn của tinh thần”* [10]. Vương Nhạc Xuyên đánh giá cao khả năng riêng của các tác phẩm văn học sinh thái trong việc giải quyết các tai nạn toàn cầu: *“Theo tôi, cái gọi là văn học sinh thái chủ yếu là chỉ những tác phẩm miễn cưỡng góp phần phơi bày nguy cơ sinh thái thế giới hiện đại, phê phán quan điểm giá trị chủ nghĩa nhân loại trung tâm, phản tỉnh đối với nền văn minh hiện đại dẫn đến nguy cơ sinh thái. Văn học sinh thái không coi con người là trung tâm của thế giới tự nhiên, cũng phản đối coi lợi ích của con người là thước đo tuyệt đối phán đoán giá trị tự nhiên”* [10]. Cho đến nay, phê bình sinh thái phát triển thành những phân nhánh khác nhau: phê bình sinh thái Mỹ thiên về ca tụng tự nhiên, phê bình sinh thái Anh thiên về cảnh báo môi trường; bên cạnh đó, trí tuệ sinh thái phương Đông là một trong những đích đến quan trọng của các nhà phê bình sinh thái toàn cầu. Có thể thấy, trong khi lí luận phương Tây đương đại bước vào “thời kì hậu lí luận” hoặc thời đại “chung kết lí luận” thì phê bình sinh thái là khuynh hướng phê bình đầy tính lạc quan, phê bình sinh thái là xanh hóa nghiên cứu văn học, là mùa xuân

trong văn học. Một trong những chủ trương của phê bình sinh thái là: *“tiến hành đọc lại các tác phẩm trong quá khứ, tìm ra ý nghĩa sinh thái tiềm ẩn trong đó, tất nhiên, cũng bao hàm việc chỉ ra những hạn chế của nó trong tương quan với chính thể sinh thái. Như vậy, sẽ góp phần bổ sung cho những khuyết thiếu trong lịch sử nghiên cứu văn học nhân loại”* [2].

2.2. Các cảm thức sinh thái trong văn chương Võ Hồng

2.2.1. Lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên

Trên lối đi riêng của văn chương Võ Hồng, dấu ấn của những cảm thức sinh thái hiện rõ. Trong cái tạng riêng của mình, văn chương Võ Hồng mẫn cảm chạm đến những vấn đề sinh thái từ rất sớm so với các nhà văn cùng thời, đặc biệt là các nhà văn thuộc văn học đô thị miền Nam. Trong khi tiếng bom đạn vẫn ào ào không nghỉ, trong khi *“Tiếng hát át tiếng bom”* chỉ là cách động viên nhau để vượt qua gian khó; Võ Hồng lặng lẽ kiến tạo những giá trị riêng, những thanh sắc riêng. Nhà phê bình Trần Hữu Tá đặc biệt tinh tế khi so sánh văn chương Võ Hồng với hoa, với hương hoa và luôn nhìn thấy sự vắn vít của hương hoa trong từng trang sách của nhà văn có cuộc đời như một thi phẩm này: *“Trong vườn hoa văn chương đó, các nghệ sĩ chúng ta đã chung sức tạo nên một hình ảnh muôn màu: có khóm rực rỡ, có cây lộng lẫy, có cành kiêu sa. Riêng Võ Hồng, ông lặng lẽ vun trồng, tưới tắm trong một góc vườn cho một gốc ngọc lan, ở đó có những đóa hoa nhỏ xinh, trắng muốt không phô trương, ít gây ấn tượng mạnh, thường khiêm tốn ẩn vào những nhánh lá xanh tươi. Và cứ tối tối hương hoa thanh khiết của nó lại lan tỏa, đem đến cho người đọc sự thanh thản, thư thái rất cần cho cuộc sống đang âm ảm chuyển động hết công suất của một xã hội văn minh công nghiệp”* [6]. Trần Hữu Tá cũng tìm thấy mạch ngầm mang tính kết nối trong dòng chảy âm ỉ của những tác phẩm văn chương này: *“Một cách tự nhiên, Võ Hồng đã mãi mê lãng du trên dòng sông trữ tình của những nghệ sĩ cùng thế hệ nhưng đi trước ông mười năm trong lĩnh vực văn chương: Xuân Diệu (Phấn thông vàng), Thạch Lam (Gió đầu mùa), Hồ Dzếnh (Chân trời cũ), Thanh Tịnh (Quê mẹ)...”* [6]. Đó là sự bắt mạch tài tình về phong cách sáng tác, là đôi mắt xanh trong sự đồng điệu giữa nhà nghiên cứu và nhà văn.

Cảm thức sinh thái hiểu theo nghĩa hòa hợp, cộng sinh với thiên nhiên bàng bạc trong thể giới nghệ thuật Võ Hồng nhưng trước hết hiện rõ ở những tác phẩm nhà văn viết về mùa xuân. Con suối mùa xuân, Mùa xuân nghe tiếng chim hót, Ngày xuân êm đêm, Xuất hành năm mới, Lá vẫn xanh, Trầm mặc cây rừng... là những tác phẩm như thế. Truyện ngắn Con suối mùa xuân thể hiện rõ hành trình tìm về thôn dã của văn chương sinh thái. Nhân vật tôi sau khi thất tình trong tình yêu với Mỹ Khuê đã lao vào cuộc sống quay cuồng bằng lối sống nhanh ở thành phố: *“Tôi la cà ở các Bar, thuộc tên*

hàng tá chiêu đãi viên: những Mai ly, Thu Nguyệt, Kim Chi, Kim Cúc. Tôi dờ mọi thủ đoạn dối trá làm bộ chung tình để các nàng ghéch mặt kiêu hãnh, làm bộ chán đời sắp tự tử để nghe các nàng khuyên răn dạy dỗ theo giọng cái lương” [9]. Nhưng cuộc sống đó không chữa lành vết thương tình ái của anh, ngược lại càng làm cho anh thêm cô đơn. Giải bài toán cho sự thư thái tâm hồn lúc này, chỉ còn cách lánh xa đô thị, tìm về thôn quê: *“Chán trò chơi ấy, tôi đi về miền quê Phú Ân, Đại Điền nghe chim hát và nhìn cây cỏ nở hoa. Cái gì tôi cũng lưu ý nghe và để mắt nhìn. Tiếng chó sủa, tiếng trẻ khóc, con tàu chạy hối hả. Tôi nhớ Giono có nói về “sự say mê những cái vô ích”. Ừ, phải công nhận rằng khi mình làm những cái vô ích, mình thấy tâm hồn thoải mái lạ. Từ trước đến nay và nhất là trong thời gian tôi yêu Mỹ Khuê, tôi đã chỉ chăm chăm làm những việc vô ích”[9].* Chính nông thôn và sự say mê “cái vô ích” đã trả lời cho anh về sự thất bại trong tình yêu với Mỹ Khuê; đồng thời cũng giải mã cho anh về câu chuyện tâm hồn, giúp anh thấy được giá trị, sinh mệnh của những điều tưởng như nhỏ bé kiểu “*một dòng suối nhỏ hát róc rách giữa một vùng hoa lá... ”*. Truyện Mùa xuân nghe tiếng chim hót càng đưa người đọc đến gần hơn với thiên nhiên. Nhân vật tôi sống giữa không gian đô thị nhưng mùa xuân nào cũng mong đợi tiếng chim hót trong vườn nhà mình: *“Cứ mỗi mùa xuân như vậy, có chừng ba lần con chim trở về với tôi. Nó trở thành quen thuộc. Năm đầu tôi không mong đợi vì chim trời cá nước... Vậy mà bất ngờ, sau đó tiếng chim trở lại. Rồi trở lại lần nữa. Trung bình ba bốn lần trong ba tháng mùa xuân” [9].* Niềm vui khi nghe tiếng chim hót vào ngày xuân trong anh là sự đánh thức kí ức từ khu vườn tràn ngập tiếng chim trong những ngày thơ bé khi còn ở Phú Yên. Vì đam mê tiếng chim hót mà anh cất công tìm hiểu để làm sao hiểu được ngôn ngữ riêng của từng loài chim. Cảm thức sinh thái thể hiện trong phút giật mình mang tính thức nhận này: *“Tôi lại có dịp để phát hiện một sự thật thô thiển mà cuộc sống vội vã và hời hợt không cho tôi nghĩ tới: Phải tìm đến đồng vắng, rừng xa mới thường thức được tiếng chim” [9].* Cùng với quá trình đô thị hóa, các ngôi nhà cao tầng mọc lên ngày càng nhiều đã gây cản trở đường chim bay. Khi mùa xuân không còn tiếng chim hót trong vườn nữa, nhân vật tôi lại một lần ngẩn ngơ tiếc nuối và chỉ còn biết bám víu vào kí ức của những mùa xuân trước. Phải thấy rằng, ngay trong những ngày tháng sơ khai của cuộc sống đô thị, với tâm hồn gần gũi, tha thiết với thiên nhiên; những cảm thức sinh thái một cách tự nhiên như nhiên nhất đã đi vào trang văn Võ Hồng.

2.2.2. Diễn ngôn về nơi chốn và “phép thử” tận thế

Grey Garrard trong Phê bình sinh thái (thuật ngữ phê bình mới) (Ecocriticism) (The New Critical Idiom) đề cập đến diễn ngôn chủ yếu của phê bình sinh thái từ tám phương diện như: ô nhiễm, nơi chốn, điền viên, hoang dã, tận thế, cư trú, động vật, trái đất. Thật ngạc nhiên và thú vị khi trong các sáng tác của Võ Hồng, một số truyện đã

chạm đến vài phương diện diễn ngôn nói trên. Nói ngạc nhiên, thú vị là vì: những diễn ngôn sinh thái kể trên được Võ Hồng gửi đến độc giả khi mà lí thuyết sinh thái phương Tây đang ở giai đoạn phôi thai. Điều đó có nghĩa là: không có chuyện Võ Hồng được tiếp cận và chịu ảnh hưởng của lí thuyết sinh thái. Các diễn ngôn sinh thái trong văn chương Võ Hồng do vậy mang nghĩa là cảm quan, cảm thức sinh thái, có cội nguồn từ kí hiệu quyền mang tính nội sinh. Ảnh hưởng của tư tưởng triết mĩ phương Đông là điều hiển nhiên và cần được xem như một định đề. Bên cạnh đó, có thể truy tìm sự phát sinh của các diễn ngôn ấy trong các tương quan gần gũi khác. Nhận định sau đây của Trần Hữu Tá là cách lí giải nguồn gốc từ sự thâm thấu thể loại mang tính lịch đại: *“Một cách tự nhiên, Võ Hồng đã mãi mê lãng du trên dòng sông trữ tình của những nghệ sĩ cùng thế hệ nhưng đi trước ông mười năm trong lĩnh vực văn chương: Xuân Diệu (Phấn thông vàng), Thạch Lam (Gió đầu mùa), Hồ Dzếnh (Chân trời cũ), Thanh Tịnh (Quê mẹ)...”* [6]. Một cội nguồn nữa có thể bổ sung thêm từ góc độ xã hội học sáng tác: đó là những dấu ấn của hoàn cảnh gia đình và nghề nghiệp của nhà văn. Trong bài viết liên quan đến mảng sáng tác về tuổi thơ và thế giới học đường của Võ Hồng, chính tác giả bài viết này đã nói rõ về các yếu tố tác động ấy: *“Đối với mảng văn học viết về tuổi thơ và thế giới học đường, hai yếu tố có tác động không nhỏ đến sáng tác của Võ Hồng là: Võ Hồng suốt một đời gắn với thế giới học đường và gần hai phần ba đời người sống cảnh gà trống nuôi con. Đọc những tác phẩm này, người đọc luôn thấy hiện diện hình ảnh tác giả ở hai góc độ: một ông thầy giáo và một người cha”* [7]. Ở đây có thể cụ thể hóa thêm về hai điều đã đưa văn chương Võ Hồng đến với cảm thức sinh thái: Một là việc nhà văn nhập thân để nhìn cuộc sống bằng đôi mắt trẻ thơ, mà tâm hồn trẻ thơ vốn rất nhạy cảm và gần gũi với thiên nhiên; hai là việc nhà văn vừa làm bố vừa làm mẹ, chính việc nhập thân vào thiên chức “kiêm nhiệm” đã mặc nhiên xuyên thấu góc nhìn của giới nữ đối với thiên nhiên vào mạch văn chương của ông, mà cảm thức sinh thái của nữ giới thì đã được nữ quyền luận sinh thái biện giải rất kĩ. Cho nên, có thể một lần nữa khẳng định: Những giá trị của văn học sinh thái trong văn chương Võ Hồng là sự gặp gỡ đầy tính ngẫu nhiên, tình cờ giữa cảm thức sinh thái phương Đông và tư duy sinh thái phương Tây.

Truyện ngắn *Lá vắn xanh* xuất bản từ năm 1962 trên tạp chí Thời mới đã đề cập đến một trong những diễn ngôn chủ yếu của phê bình sinh thái: *chủ đề tận thế*. Bối cảnh câu chuyện là những ngày Tết Canh tí 1960. Nói như tác giả: *“Tết là dịp người ta chúc nhau khỏe mạnh, giàu sang và sinh đẻ sai”*. Thế nhưng, tình huống truyện nảy sinh từ câu chuyện khác thường của cái Tết năm ấy, thay vì bàn bạc, dự định về tương lai gần tương lai xa, người ta lại bàn về sự kết thúc kinh hoàng của Trái Đất bởi *“câu chuyện bức thư ở Pha-ti-ma (Fatima) tiên đoán vận mệnh của Trái Đất, của nhân loại”*. Tận thế là cú shock cực lớn giúp con người phản tư về tất cả những gì thuộc về

quá khứ và hiện tại. Phương cũng vậy, thông tin tận thế sẽ đến ngay trong những ngày Tết làm cho anh lần đầu tiên suy tư về Trái Đất và con người ở trên địa cầu: *“Trái đất chỉ là một hạt bụi bay lửng lơ trong vũ trụ cơ mà. Mà hạt bụi thì đâu có thể đòi hỏi cái quyền tự mình viết lịch sử cho mình? Huống chi là con người, quá nhỏ so với cái hạt bụi đó... Ai có thể tin rằng trái đất hoang vu kia đã từng là cái nôi và là ngôi mộ của hàng hà sa số con người?”*. Văn chương lâu nay vẫn nhất loạt đồng thanh ca ngợi vị trí tối thượng của con người. Trí tuệ sinh thái chỉ cho ta rằng con người chỉ là hạt bụi bay lửng lơ trong một hạt bụi khác mang tên Trái Đất. Sự cổ vũ cho những khát khao đoạt quyền tạo hóa trở nên cao ngạo và hư vô trước cảm thức về hạt bụi người trong diễn ngôn tận thế. Theo dòng suy tư của nhân vật Phương, người đọc nhận ra bước lỡ đà của văn minh hiện đại: *“Sự phát triển nhanh chóng của khoa học nguyên tử, sự chạy đua vũ trang của thế giới, những cuộc biểu tình, những bản kiến nghị yêu cầu đình chỉ thí nghiệm nguyên tử của các nhà khoa học và của các dân tộc văn minh khiến Phương nghĩ đến vận mệnh của thế giới một cách bi quan và thế là chàng tự ý giải thích bức thư tiên tri theo quan điểm bi quan của chàng”*. Từ đó, truyện tái hiện một thảm cảnh kinh hoàng khi tự nhiên nổi cơn cuồng nộ và con người phải nhận lãnh sự trả giá do đã xúc phạm thô bạo đến tự nhiên:

“Nhu được khơi nhằm mạch, óc Phương nghĩ ngay đến những thiên tai chàng đã thuộc lòng lúc đi học, những quang cảnh chàng đã từng tưởng tượng thấy: trái đất nứt ra, người vật nhà cửa đổ nhào xuống rồi đất khép lại... hỏa sơn phun khói phun tro đầy trời và tro rơi ngập cả thành phố làm chết ngạt người trong đó. Rồi sét đánh, rồi mưa lũ, gió to, nước dâng vùn vùn... Khắp nơi, tiếng người rú lên kinh khủng, tiếng kêu gào đau xót, tiếng khóc thảm thương trong khi Tạo hóa hoặc như vô tình, hoặc như phần nộ, lần lượt gieo các tai họa xuống. Các tai họa lúc thì diễn ra một mình, lúc thì đồng diễn phụ họa, lúc thì theo nhịp thông thả, lúc thì rộn rã tới tấp, nhân loại sẽ có cảm tưởng như đang dự một cuộc đại hợp tấu mà các mục trong chương trình được tuân tự trình bày” (Lá vắn xanh).

Tương lai nhân loại được mô tả một cách bi thiết. Giả thiết đó trở thành một lối cảnh tỉnh mang đậm tư duy của triết học - triết học sinh thái. Thảm cảnh tận thế là hồi chuông phản tư thấu thị khi con người mãi lao về phía trước bất chấp tất cả những hệ lụy mà mình gây ra. Tiếng chuông càng có ý nghĩa khi nó vang lên trong những ngày xuân, khi con người đang say sưa tận hưởng cuộc sống dẫn đến vô tình trước sinh mệnh của tự nhiên.

Diễn ngôn về nơi chốn, thú vị thay, cũng hiển lộ đầy mình triết trong truyện Võ Hồng. Như đã nói ở trên, khung cảnh chiến tranh không vang động một cách trực tiếp trong trang văn Võ Hồng. Ông lùi về phía sau, về với đất cát ruộng vườn, về với cuộc sống của những người dân chân chất để lắng nghe những hệ lụy của

chiến tranh, đồng thời, thấu hiểu bao giá trị mang “chất vàng mười” được thử lửa qua cuộc chiến đó. Sự gắn bó hơn cả máu thịt với nơi chốn mình sống là một trong những chất vàng mười ấy. Võ Hồng cảm nhận tình yêu quê hương của con người cũng thuần hậu như chính bản tính nông dân luôn thường trực trong huyết quản họ. Những con người thường ngày hiền lành đôi khi đến mức cục mịch ấy tưởng sẽ hay lo sợ và thường hành xử theo tâm lí đám đông. Đọc truyện ngắn *Bên đập Đồng Cháy* của Võ Hồng sẽ thấy logic suy luận ấy hoàn toàn sai. Chiến tranh ập đến, cả đoàn người lũ lượt chạy về thành phố hay nơi nào đó có thể bảo đảm an toàn cho mạng sống, họ bỏ lại tất cả để hoà vào dòng người tản cư. Nhưng cũng có những người như bà Xự, họ không thể dễ dàng rời bỏ mảnh đất mà bao đời cha ông đã gây dựng. Lòng yêu quê hương nơi bà Xự thể hiện cụ thể bằng tình cảm với mảnh đất họ đã sinh ra và lớn lên: *“Bà Xự ngồi yên trên ngạch cửa, hai dòng nước mắt lặng lẽ chảy trên gò má. Bỏ nhà cửa mà đi. Bỏ ruộng nương, bỏ vườn tược, bỏ khúc sông và cái bến nhỏ này mà đi. Không, tôi không muốn đi đâu hết..., tôi muốn ngồi yên một chỗ, nằm yên một chỗ mà chết”*. Bà Xự không muốn theo bà con chạy giặc nhưng hàng xóm bắt bà phải đi. Họ dọn giùm nhà cửa cho bà. Cài then cẩn thận. Bà Xự cuộn theo mệnh lệnh của đám đông cho đến khi: *“Đoàn người chạy giặc đến đập Đồng Cháy. Bà Xự chột nhìn xuống lòng nước, soi thấy bóng mình... Hết rồi! Hết rồi! Không! Tôi không đi đâu hết. Tôi đã mất hết cả rồi. Tuổi xuân xanh. Chồng tôi. Con tôi. Chỉ còn đập nước này mà tiếng ào ào tuôn đổ không hề thay đổi... Cho tôi ở lại. Không, xin cho tôi ở lại. Và bà Xự vụt bỏ chạy. Bà mất tích. Đoàn tản cư tìm kiếm, kêu réo bà, nhưng bà mất tích...”*. Chỉ là cái đập nước với những âm thanh không bao giờ thay đổi nhưng khi sống lâu với nó, nó đã trở thành tình yêu, thành điều gì đó rất sâu thẳm mà khó lòng lí giải bằng lí trí sắc nhọn. Bà Xự đã không thể bước qua con đập Đồng Cháy ấy để đi cùng đám đông. Con đập ấy chính là ranh giới, ngưỡng tâm lí cuối cùng mà người nông dân không thể dứt bỏ nó một cách dễ dàng. Ở đây, chi tiết đã phát huy tác dụng, tạo nên tư tưởng của truyện chứ không hề là sự kiện hay tình huống. Một chi tiết nhỏ nhưng tạo nên sức ngân lớn cho những truyện viết về tình yêu làng, yêu quê của Võ Hồng. Ở đây có một mối tương quan giữa hai sức mạnh: sức mạnh của tình yêu làng và sức mạnh của bản năng sinh tồn. Cuối cùng, tình yêu và sự gắn bó với nơi mình sống còn mạnh hơn cả nỗi lo sợ về cái chết. Tình huống chiến tranh lúc này chỉ là phép thử để bật nên những giá trị mang tính vĩnh cửu về sự gắn bó với quê hương của con người.

Ở truyện *Tình yêu đất*, tình yêu quê hương lại được thể hiện bằng sự hết mực yêu đất của lão Túc. Đất cát đối với ông trở thành một sinh linh, thậm chí trở thành một tín ngưỡng. Truyện xoay quanh sự trưởng thành của cuộc đời Lão Túc gắn liền với sự hình thành mảnh đất mà lão khai khẩn. Bởi vì cuộc đời của lão cũng đơn giản

như đất, nên lão dễ dàng nghe được những vui mừng của đất, và do đó đất cũng rộng lượng bao dung đối với lão hơn cả mọi người, đất hiểu lão hơn cả vợ lão, con lão. Ngày lão lên xã làm giấy khai đất, lão thấy lòng rộn ràng băng khuâng. Ai hỏi lão có phải ở dưới đất về hay không, chỉ cần được nghe bốn tiếng đó đã làm mát một nơi nào trong bụng lão: *“Ở dưới đất về!”*. Đó là điệp khúc của một bài ca làm say sưa tâm hồn lão như mới ngày nào đây, lúc còn thanh niên, lòng lão rung động theo câu hò điệu hát huê tình... Và tối hôm đó, sau bữa cơm, lão bắc chõng ra nằm dưới hiên, nhìn lên bầu trời lấp tẩm sao, lòng miên man nghĩ về đất. Cho đến khi bị rần hồ cắn, trước giờ hấp hối, lão còn thốt lên được mấy tiếng về mảnh đất của lão, miếng đất Gò Đình trước khi nhắm mắt. Tình yêu đất của Lão Túc cũng là tình yêu quê hương cụ thể của hầu hết nông dân Việt Nam. Quê hương không nhất thiết là chữ S hay chữ X. Nó là ruộng nương vườn tược, là nơi gởi nắm xương tàn của cha ông bao đời. Tình yêu đất của người nông dân ấy theo đúng nghĩa sống cùng đất, chết hòa vào đất. Đất lúc này đối với ông không còn được hiểu theo nghĩa là đối tượng để khai thác mà đã mang sinh mệnh riêng hòa cùng sinh mệnh của con người. Tình yêu con đập Đồng Cháy, tình yêu mảnh đất Gò Đình của những người như lão Túc, bà Xự là tình yêu phát xuất từ đạo đức sinh thái thâm sâu được kết tụ qua ngàn đời của cha ông. Không có cái nhìn văn hóa sinh thái sẽ không thể nào lí giải được nhân vật, càng không thể hiểu được nông dân và nông thôn.

3. KẾT LUẬN

Có thể thấy, trong hoàn cảnh điều linh của chiến tranh, giữa lúc văn học đô thị miền Nam đang rất sôi động với nhiều phân nhánh, Võ Hồng lặng lẽ kiến tạo lối đi riêng cho sáng tác của mình. Trên con đường ấy in đậm dấu chân của văn học sinh thái. Có người thắc mắc tại sao văn Võ Hồng không hề đề cập đến cái xấu, cái ác; phải chăng ông tránh né, ngại va chạm? Ông chỉ mỉm cười đôn hậu như một nhà hiền triết phương Đông với câu trả lời rằng muốn mang những vẻ đẹp trường cửu để cảm hóa cuộc đời hơn là cách làm ngược lại. Có lẽ cũng vì vậy mà trong sáng tác của Võ Hồng ẩn chứa nhiều giá trị của văn học sinh thái. Ở đó con người thường tránh xa chốn thị thành để tìm về nơi thôn dã; ở đó con người sống cuộc đời chân chất nhưng rất giàu có về tâm hồn bởi họ gần gũi với thiên nhiên cây cỏ, yêu đất yêu làng còn hơn chính sinh mệnh của mình. Những cảm thức về nguy cơ sinh thái cũng được rung lên rất sớm và do vậy có ý nghĩa cảnh báo cao trong những áng văn chương ấy. Đọc các tác phẩm trên của Võ Hồng, chắc nhiều người đồng điệu với cảm giác đầy tính tri âm của Trần Hữu Tá: *“Vì thế tôi có cảm giác mỗi tác phẩm của ông như một tiếng đàn độc huyền, rung lên rồi cứ ngân vang không dứt trong tâm tưởng người đọc giữa đêm vắng”* [6].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cheryll Glotfelty (2016), *Nghiên cứu văn học trong thời đại khủng hoảng môi trường* (Ánh Nguyệt dịch). <http://kxhvn.duytan.edu.vn/Home/ArticleDetail/vn/94/1469/nguyen-cuu-van-hoc-trong-thoi-dai-khung-hoang-moi-truong>, truy cập ngày 17/10/2016.
- [2] Đỗ Văn Hiểu (2016), *Phê bình sinh thái - khuynh hướng nghiên cứu văn học mang tính cách tân*, <http://nguvan.hnue.edu.vn/Nghiencuu/Lyluanvanhoc/tabid/104/news/tab/616/Default.aspx>, truy cập ngày 17/10/2016.
- [3] Võ Hồng (1986), *Trầm mặc cây rừng*, Nxb. Văn nghệ, Hà Nội.
- [4] Võ Hồng (1992), *Vấy tay ngậm ngùi*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [5] Trần Thị Ánh Nguyệt, Lê Lưu Oanh (2016), *Con người và tự nhiên trong văn xuôi Việt Nam sau 1975 từ góc nhìn phê bình sinh thái*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Trần Hữu Tá (2003), *Hương hoa không bao giờ phai nhạt*, Tuổi trẻ chủ nhật, số 18, tháng 10/2003.
- [7] Trần Viết Thiện (2014), *Tuổi thơ và thế giới học đường trong sáng tác của Võ Hồng*, Tạp chí Nha Trang, số 231, tháng 12/2014.
- [8] Nguyễn Thị Thu Trang, Võ Hồng (2003), *Nhà văn và tác phẩm*, Hội Văn học Nghệ thuật Phú Yên, Phú Yên.
- [9] *Truyện ngắn chọn lọc*, 1994, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
- [10] Vương Nhạc Xuyên (2016), *Văn học sinh thái và lí luận phê bình sinh thái* (Đỗ Văn Hiểu dịch). <http://nguvan.hnue.edu.vn/Nghiencuu/Lyluanvanhoc/tabid/104/newstab/625/Default.aspx>, truy cập ngày 27/9/2016.
- [11] Cheryll Glotfelty (1996), *Introduction: Literary Studies in an Age of Enviromental Crisis*, The Ecocriticism Reader: Landmarks in Literary Ecology edited by Cheryll Glotfelty and Harold Fromm, University of Georgia Press, pp. xv - xxxvi.

**THE SENSE OF ECOLOGY IN
VO HONG'S WRITINGS**

Tran Viet Thien

ABSTRACT

Ecocriticism has become a global literary theory. Ecocriticism has different trends: US ecocriticism praises the nature; British ecocriticism inclines to warn of environmental disasters. Besides, ecocritics in the world consider Oriental wisdom of

ecology one of important destinations. Vo Hong, a writer of urban literature of Southern Vietnam, has found a different way for his writing career. On that way, Vo Hong's works have the sense of ecology very early on. This article approaches Vo Hong's works with the theory of ecocriticism to find out the literary valuation of his works and his contribution to Vietnamese literature.

Keywords: *Ecocriticism, the sense of ecology, Vo Hong.*